

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HC-ST

Ngày: 19/5/2022.

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai về yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất, hủy
quyết định giải quyết khiếu nại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng.
2. Ông Võ Đức Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 22/2021/HC-ST ngày 10/5/2021 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy quyết định giải quyết khiếu nại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HC ngày 12/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐST-HC ngày 28/4/2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1963; địa chỉ: Số x, ấp A, xã A, thành phố T, tỉnh B; có mặt.

2. *Người bị kiện:*

2.1 Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh B.

2.2 Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh B.

Cùng địa chỉ: Khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND thành phố T, Chủ tịch UBND thành phố T: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố T, là người đại diện theo pháp luật; có đơn xin vắng mặt.

2.3 Chủ tịch UBND tỉnh B; địa chỉ: Phường H, thành phố T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh B: Ông Mai Hùng D, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2635/UBND-BTCD ngày 14/6/2021); có đơn xin vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Phạm Thị Ch, sinh năm 1958;

3.2 Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956;

Cùng địa chỉ: Số y, ấp A, xã A, thành phố T, tỉnh B; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, người khởi kiện trình bày:

Ngày 02/6/2020, bà Nguyễn Thị U nhận được Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị U. Theo đó, tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định có nội dung: “Bác nội dung khiếu nại đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00566/AS ngày 19/7/2007 do UBND huyện T cấp cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C”. Bà Nguyễn Thị U khiếu nại khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T đến Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngày 24/02/2021, bà Nguyễn Thị U nhận được Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại (lần hai). Theo đó, bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị U đối với việc khiếu nại hủy bỏ khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T về yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00566/AS ngày 19/7/2007 do UBND huyện T cấp cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C.

Bà Nguyễn Thị U cho rằng một phần Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T và Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B bác yêu cầu khiếu nại của bà Nguyễn Thị U đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C là không có cơ sở và trái pháp luật, bởi lẽ:

Thứ nhất, về nguồn gốc sử dụng đất đã bị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Ch, ông Nguyễn Văn C:

Bà Nguyễn Thị U là con ruột của bà Lê Thị L mà bà L là con ruột của ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị S.

Quá trình chung sống, trước năm 1975, vợ chồng ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị S có tạo lập quyền sử dụng đất có diện tích 700m² tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B thuộc thửa đất số 556, 557, tờ bản đồ số: C2 (DC9).

Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị S có 05 người con gồm:

- 1/ Ông Lê Văn D, chết năm 1970;
- 2/ Ông Lê Văn Đ, chết năm 1979;
- 3/ Bà Lê Thị T, chết ngày 15/02/2008;
- 4/ Bà Lê Thị M, chết năm 2013;
- 5/ Bà Lê Thị L, chết năm 2010.

Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị S chết trước năm 1975, không để lại di chúc. Quyền sử dụng đất nêu trên chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị S chết, ông Lê Văn Đ đại diện quản lý phần đất này.

Năm 1975, ông Lê Văn Đ cho bà Lê Thị T một nền đất diện tích $62m^2$ để xây dựng nhà ở. Sau đó, Nhà nước xây dựng nhà tình nghĩa số 15 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B trên nền diện tích đất $62m^2$ thuộc thửa đất số 556, tờ bản đồ số C2 (DC9) cho bà Lê Thị T ở.

Năm 1979, ông Lê Văn Đ chết, các chị em còn lại tự thỏa thuận bằng miệng phân chia mỗi người một nền đất diện tích khoảng $62m^2$ bằng phần diện tích của bà Lê Thị T và cho ông Nguyễn Minh H (cháu bà Lê Thị T) $30m^2$ (vị trí phía sau nhà bà Lê Thị T). Diện tích còn lại $360m^2$ để làm đất thổ mộ và đường đi vào đất thổ mộ diện tích ngang 1,5m, chiều dài hết đất.

Tháng 11/2019, ông Nguyễn Minh H là cháu bà Lê Thị T tự ý xây dựng nhà ở lấn chiếm mồ mả và chiếm đường đi vào thổ mộ nêu trên.

Ngày 19/12/2019, UBND xã A có Công văn số 507/UBND-KT về việc trả lời đơn phản ánh của bà Nguyễn Thị U. Theo đó, bà Nguyễn Thị U phát hiện UBND thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận H00566/AS.

Thứ hai: Xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

+ Theo kết luận tại Quyết định 312/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B cho rằng: Phần đất diện tích $334m^2$ mà UBND thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Ch, ông Nguyễn Văn C có nguồn gốc của ông Lê Văn C. Sau khi ông Lê Văn C chết để lại cho bà Lê Thị T quản lý, sử dụng. Năm 1990, bà Lê Thị T chuyển nhượng $200m^2$ đất cho bà Lê Thị L và bà Phạm Thị D. Năm 1991, bà Lê Thị T chuyển nhượng cho bà Phạm Thị K $100m^2$. Đồng thời, năm 1990 và năm 1991, bà Lê Thị L, bà Phạm Thị D và bà Phạm Thị K đã chuyển nhượng các phần đất nêu trên cho bà Phạm Thị Ch là không đúng sự thật khách quan, bởi vì:

Nguồn gốc phần đất có diện tích $334m^2$ là của ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị S. Sau khi ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị S chết chưa chia thừa kế theo quy định pháp luật. Bà Lê Thị T là đồng thừa kế không có quyền chuyển nhượng cho ai khi chưa được sự đồng ý của các đồng thừa kế khác.

Mặt khác, đất chưa được cấp giấy chứng nhận nên bà Lê Thị T và bà Phạm Thị D, bà Lê Thị L không có quyền chuyển nhượng đất.

Bên cạnh đó, năm 1990, bà Lê Thị L không nhận chuyển nhượng đất của bà Lê Thị T và cũng không chuyển nhượng đất cho bà Phạm Thị Ch. Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B đã nhận định không có cơ sở vững chắc, chỉ dựa vào lời khai của bà Phạm Thị Ch.

+ Bà Phạm Thị K không có quyền sử dụng đất 134m². Đồng thời, theo kê khai của bà Phạm Thị Ch thì bà Phạm Thị Ch mua của bà Phạm Thị K diện tích 100m² nhưng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 134m². Quyết định 312/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B cho rằng diện tích đo đạc thực tế là 134m² là mâu thuẫn, không có cơ sở vì diện tích tăng hơn 1/3. Như vậy, UBND huyện T đã cấp sai diện tích đất, lấn chiếm đất còn lại trong tổng diện tích 700m² tại ấp A, xã A, huyện T thuộc thửa 556, 557, tờ bản đồ C2 (DC9).

+ Đối với lời khai ông Nguyễn Phúc H và bà Cao Thị S tại Biên bản xác minh của Phòng Tài nguyên và Môi trường là không có cơ sở. Vì ông Nguyễn Phúc H và bà Cao Thị S không phải là người địa phương, không rõ nguồn gốc đất của gia tộc bà Nguyễn Thị U và nội bộ trong gia tộc phân chia như thế nào nên lời khai, ý kiến của ông Nguyễn Phúc H và bà Cao Thị S là hoàn toàn không đúng sự thật khách quan.

+ Nguồn gốc đất của ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị S chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Ch theo thông tin bà Phạm Thị Ch cung cấp là không có tài liệu, chứng cứ và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00566/AS do UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị Ch ngày 19/7/2007 với diện tích 334m² là hoàn toàn không có cơ sở, đã vi phạm trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận, cấp sai đối tượng sử dụng đất và trái pháp luật. Vụ việc đã gây thiệt hại về tài sản, tinh thần của bà Nguyễn Thị U và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của bà Nguyễn Thị U. Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị U là trái quy định pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của bà Nguyễn Thị U.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà Nguyễn Thị U và thượng tôn pháp luật, bà Nguyễn Thị U yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00566/AS đối với khu đất có diện tích 334m² thuộc thửa đất 557 tờ bản đồ C2 tọa lạc ấp A, xã A do UBND huyện (nay là thành phố) T cấp cho bà Phạm Thị Ch, ông Nguyễn Văn C ngày 19/7/2007;

- Hủy khoản 2, Điều 1 Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị U (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị U khiếu nại Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T (lần hai).

** Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh B trình bày:*

Bà Nguyễn Thị U khiếu nại việc UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/AS ngày 19/7/2007 cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C không đúng quy định pháp luật.

Ngày 01/6/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2392/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị U, nội dung:

“1. Công nhận nội dung khiếu nại đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H0835/AS ngày 25/3/2008 do UBND huyện (nay là thành phố) T cấp cho bà Lê Thị T.

2. Bác nội dung khiếu nại đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00566/AS ngày 19/7/2007 do UBND huyện (nay là thành phố) T cấp cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C.”

Không đồng ý với việc giải quyết nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố T, bà Nguyễn Thị U gửi đơn đến Chủ tịch UBND tỉnh B khiếu nại khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T và yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/AS ngày 19/7/2007 do UBND huyện (nay là thành phố) T cấp cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C, trả lại hiện trạng ban đầu là đất thô mộ của thân tộc ông Lê Văn C.

I. Cơ sở pháp lý Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị U (Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 03/02/2021)

1. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại

1.1. Về mối quan hệ trong thân tộc

Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị S có 05 người con gồm:

- Ông Lê Văn D chết năm 1970, có con là bà Phạm Thị K;

- Ông Lê Văn Đ chết năm 1979, có vợ là bà Phạm Thị D chết năm 2001, hiện tại có các con còn sống là bà Lê Thị L1 và bà Lê Thị Kim L;

- Bà Lê Thị T chết năm 2008, hiện có 02 người cháu là bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh H;

- Bà Lê Thị M chết năm 2013, có 05 người con là bà Lê Thị Kim Chi, bà Phạm Thị C1, bà Phạm Thị N, ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Ch;

- Bà Lê Thị L chết năm 2010, có 03 người con còn sống là bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị U.

1.2. Về nguồn gốc đất

Theo trình bày của bà Nguyễn Thị U (con của bà Lê Thị L), khu đất UBND huyện (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/AS ngày 19/7/2007 cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C có nguồn gốc thuộc một phần trong tổng diện tích 700m^2 đất của ông Lê Văn C để lại không có giấy tờ. Sau khi ông Lê Văn C chết, 05 người con của ông Lê Văn C tự phân chia mỗi người sử dụng 62m^2 đất, diện tích đất còn lại sử dụng làm thổ mộ. Nội dung trên, bà Nguyễn Thị U chỉ nói miệng và thừa nhận không có giấy tờ về việc phân chia. Hiện nay, cả 05 người con của ông Lê Văn C đã chết.

Tại hồ sơ UBND huyện (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/AS ngày 19/7/2007 cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C, thể hiện:

- Tại Đơn xin xác nhận phục hồi chuyển nhượng ngày 16/7/2007 của bà Lê Thị T được UBND xã A xác nhận ngày 17/7/2007, có nội dung như sau: *“Nguyên vào năm 1990 tôi có chuyển nhượng 02 (hai) phần đất 200m^2 cho bà Lê Thị L và bà Phạm Thị D, năm 1991 tôi có chuyển nhượng một phần đất diện tích 01 sào cho bà Phạm Thị K, diện tích đo đạc thực sự của ba phần đất trên là 334m^2 ”.*

- Tại Đơn xin xác nhận phục hồi chuyển nhượng của bà Phạm Thị Ch được UBND xã A xác nhận ngày 22/5/2007 có nội dung như sau: *“Nguyên vào năm 1990 tôi có nhận chuyển nhượng hai phần đất diện tích 2 sào (200m^2) của bà Lê Thị L và bà Phạm Thị D, năm 1991 tôi có nhận chuyển nhượng một phần đất diện tích 1 sào (100m^2) của bà Phạm Thị K. Diện tích đo đạc thực sự của 3 phần đất trên là 334m^2 ”.*

1.3. Quá trình sử dụng đất và phát sinh khiếu nại

Bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C sử dụng đất để cất nhà ở từ năm 1992 đến nay. Ngày 19/7/2007, bà Phạm Thị Ch được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/AS đối với thửa đất số 557 tờ bản đồ số C2 (DC9), diện tích 334m^2 (đất ở 150m^2 đất trồng cây lâu năm 184m^2) tọa lạc tại ấp A, xã A. Hiện trạng có nhà của bà Phạm Thị Ch, diện tích $146,8\text{m}^2$ và cây lâu năm.

Bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C sử dụng đất từ năm 1992 đến năm 2018 không có ai tranh chấp khiếu nại. Đến năm 2019, bà Nguyễn Thị U khiếu nại việc UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/AS ngày 19/7/2007 cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C.

1.4. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Ch, thành phần hồ sơ gồm có:

- Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C đối với thửa đất số 557, tờ bản đồ C2 tọa lạc tại ấp A, xã A, diện tích 334m^2 ;

- 03 đơn xin kê khai nguồn gốc đất của bà Phạm Thị Ch được UBND xã A xác nhận ngày 22/5/2007;
- Biên bản đo đạc, cắm mốc ranh giới, xác minh nguồn gốc đất xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị Ch diện tích 334m² thuộc thửa 557 tờ bản đồ C2;
- Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 22/5/2007 của UBND xã A về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Ch;
- Đơn xin xác nhận phục hồi chuyển nhượng của bà Phạm Thị Ch được UBND xã A xác nhận ngày 22/5/2007;
- Đơn xin xác nhận phục hồi chuyển nhượng của bà Lê Thị T được UBND xã A xác nhận ngày 17/7/2007;
- Giấy chứng nhận kết hôn của bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C;
- Biên bản xác minh hộ bà Nguyễn Thị U được UBND xã A xác nhận ngày 22/5/2007;
- Biên bản xác minh hộ bà Lê Thị M được UBND xã A xác nhận ngày 22/5/2007;
- Hồ sơ kỹ thuật của bà Phạm Thị Ch;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 151/GCN-SB do UBND huyện T cấp ngày 24/10/1991 cho bà Lê Thị T;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/AS ngày 19/7/2007 do UBND huyện T cấp cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C có diện tích 334m² thuộc thửa đất số 557 tờ bản đồ C2 tọa lạc tại ấp A, xã A.

2. Kết quả đối thoại

Ngày 25/12/2020, Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì cùng các ngành chức năng có liên quan tổ chức đối thoại với bà Nguyễn Thị U. Tại buổi đối thoại, bà Nguyễn Thị U không cung cấp được chứng cứ, tình tiết mới so với kết quả thẩm tra, xác minh của Sở Tài nguyên và Môi trường. Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và các thành phần tham dự đã giải thích cho bà Nguyễn Thị U hiểu rõ việc Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị U tại Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị U không đồng ý với kết quả đối thoại.

3. Kết luận

Việc bà Nguyễn Thị U khiếu nại khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T và yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/AS ngày 19/7/2007 do UBND huyện (nay là thành phố) T cấp cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C, trả lại hiện trạng ban đầu là đất thổ mộ của thân tộc ông Lê Văn C là không có cơ sở xem xét, bởi vì:

- Diện tích đất 334m² bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C được UBND huyện (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/AS ngày 19/7/2007 có nguồn gốc của ông Lê Văn C. Sau khi ông Lê Văn C chết thì để lại cho bà Lê Thị T quản lý, sử dụng. Năm 1990, bà Lê Thị T chuyển nhượng 200m² đất cho bà Lê Thị L và bà Phạm Thị D. Năm 1991, bà Lê Thị T chuyển nhượng cho bà Phạm Thị K 100m². Đồng thời, trong năm 1990 và năm 1991, bà Lê Thị L, bà Phạm Thị D và bà Phạm Thị K đã chuyển nhượng các phần đất trên cho bà Phạm Thị Ch (kết quả đo đạc thực tế của các phần đất trên là 334m²).

- Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/AS ngày 19/7/2007 cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 135 của Nghị định số 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

- Theo Quyết định số 3815/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thị xã Thuận An và Quyết định số 5119/QĐ-UBND ngày 19/6/2012 của UBND thị xã T về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã A giai đoạn năm 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 thì thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/AS ngày 19/7/2007 cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C được quy hoạch là đất ở.

Từ những cơ sở pháp lý và nội dung nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần hai) của bà Nguyễn Thị U là đúng quy định pháp luật.

Đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh B vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 03/02/2021. Đồng thời, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên xử bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị U.

** Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T và UBND thành phố T trình bày:*

1. Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00566/AS do UBND huyện T cấp ngày 19/7/2007 cho bà Phạm Thị Ch, ông Nguyễn Văn C:

a) Nguồn gốc đất bà Phạm Thị Ch

Phần đất diện tích 200m² từ trước năm 1975 do ông bà để lại cho bà Phạm Thị D và bà Lê Thị L sử dụng. Đến năm 1990, bà Phạm Thị D và bà Lê Thị L chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Ch sử dụng.

Đối với phần diện tích 134m² trước năm 1975 do ông bà để lại cho bà Phạm Thị K sử dụng. Đến năm 1991, bà Phạm Thị K chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Ch sử dụng.

b) Thành phần hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C đối với khu đất có diện tích 334m² thuộc thửa đất 557 tờ bản đồ C2 tọa lạc ấp A, xã A.

- 03 đơn xin kê khai nguồn gốc đất của bà Phạm Thị Ch được UBND xã A xác nhận ngày 22/5/2007.

- Biên bản đo đạc, cắm mốc ranh giới, xác minh nguồn gốc đất xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị Ch diện tích 334m² thuộc thửa 557 tờ bản đồ C2.

- Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 22/5/2007 của UBND xã A về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Ch.

- Đơn xin xác nhận phục hồi chuyển nhượng của bà Phạm Thị Ch được UBND xã A xác nhận ngày 22/5/2007.

- Đơn xin xác nhận phục hồi chuyển nhượng của bà Lê Thị T được UBND xã A xác nhận ngày 17/7/2007.

- Giấy chứng nhận kết hôn của bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C.

- Biên bản xác minh hộ bà Nguyễn Thị U được UBND xã A xác nhận ngày 22/5/2007.

- Biên bản xác minh hộ bà Lê Thị M được UBND xã A xác nhận ngày 22/5/2007.

- Hồ sơ kỹ thuật của bà Phạm Thị Ch.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 151/GCN-SB được UBND huyện T cấp ngày 24/10/1991 cấp cho bà Lê Thị T.

Căn cứ các thành phần hồ sơ nêu trên, UBND huyện (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00566/AS ngày 19/7/2007 đối với khu đất có diện tích 334m² thuộc thửa đất 557 tờ bản đồ C2 tọa lạc ấp A, xã A cho bà Phạm Thị Ch, ông Nguyễn Văn C là đúng trình tự thủ tục và đúng diện tích theo kê khai đăng ký của bà Phạm Thị Ch.

2. Về yêu cầu hủy khoản 2, Điều 1 Quyết định 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T đối với nội dung “Bác nội dung khiếu nại đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00566/AS ngày 19/7/2007 do UBND huyện T cấp cho bà Phạm Thị Ch, ông Nguyễn Văn C”:

Căn cứ nguồn gốc và trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Ch, ông Nguyễn Văn C nêu trên, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 bác nội dung khiếu nại đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00566/AS ngày 19/7/2007 do UBND huyện T cấp cho bà Phạm Thị Ch, ông Nguyễn Văn C. Chủ tịch UBND thành phố T trả lời cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương được biết.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị Ch trình bày:*

Ngày 30/6/1990, vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị Ch có mua của bà Lê Thị L (là mẹ ruột của bà Nguyễn Thị U) phần đất có diện tích 1 sào. Việc mua bán có sự đồng ý của gia đình bà Lê Thị L. Sau khi thanh toán tiền, năm 1990, chúng tôi đã xây dựng nhà ở ổn định đến nay, không tranh chấp với ai.

Ngày 19/7/2007, vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị Ch được UBND huyện (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 614196, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00566 /AS với diện tích 334m², thuộc thửa đất số 557, tờ bản đồ số C2(DC9).

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện (nay là thành phố) T là đúng quy định pháp luật. Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T và Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại cho bà Nguyễn Thị U là đúng quy định.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng: Người khởi kiện, người bị kiện đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U đối với các yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00566/AS đối với khu đất có diện tích 334m² thuộc thửa đất 557 tờ bản đồ C2 tọa lạc ấp A, xã A do UBND huyện (nay là thành phố) T cấp cho bà Phạm Thị Ch, ông Nguyễn Văn C ngày 19/7/2007; hủy khoản 2 Điều 1 Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị U (lần đầu); hủy Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị U khiếu nại Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T (lần hai).

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan, toàn diện về những tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị kiện (Chủ tịch UBND tỉnh B, Chủ tịch UBND thành phố T, UBND thành phố T); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Phạm Thị Ch, ông Nguyễn Văn C) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật

Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[1.2] Bà Nguyễn Thị U nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00566/AS đối với khu đất có diện tích 334m² thuộc thửa đất 557 tờ bản đồ C2 tọa lạc ấp A, xã A do UBND huyện (nay là thành phố) T cấp cho bà Phạm Thị Ch, ông Nguyễn Văn C ngày 19/7/2007; hủy khoản 2 Điều 1 Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị U (lần đầu); hủy Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị U khiếu nại Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T (lần hai).

Căn cứ Điều 116, 118 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính thì đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị U còn trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về thẩm quyền ban hành: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00566/AS do UBND huyện (nay là thành phố) T cấp cho bà Phạm Thị Ch, ông Nguyễn Văn C ngày 19/7/2007; Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T; Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B được ban hành là phù hợp đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00566/AS do UBND huyện (nay là thành phố) T cấp cho bà Phạm Thị Ch, ông Nguyễn Văn C ngày 19/7/2007 thấy rằng:

[3.1.1] Theo Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/02/2007 của ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị Ch thể hiện: Thửa đất xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 557, tờ bản đồ số C2 (DC9) tại ấp A, xã A, huyện T với diện tích 334m², nguồn gốc sử dụng đất: Mua năm 1990 và năm 1991; Đơn được UBND xã A xác nhận nguồn gốc, tình trạng bất động sản ngày 22/5/2007 và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T xác nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/7/2007.

[3.1.2] Tại Đơn xin xác nhận phục hồi chuyển nhượng của bà Phạm Thị Ch được UBND xã A xác nhận ngày 22/5/2007 có nội dung như sau: *“Nguyên vào năm 1990 tôi có nhận chuyển nhượng hai phần đất diện tích 2 sào (200m²) của bà Lê Thị L và bà Phạm Thị D, năm 1991 tôi có nhận chuyển nhượng một phần đất diện tích 1 sào (100m²) của bà Phạm Thị K. Diện tích đo đạc thực sự của 3 (ba) phần đất trên là 334m²”*.

[3.1.3] Tại Đơn xin xác nhận phục hồi chuyển nhượng ngày 16/7/2007 của bà Lê Thị T được UBND xã A xác nhận ngày 17/7/2007, có nội dung như sau: *“Nguyên vào năm 1990 tôi có chuyển nhượng 02 (hai) phần đất 200m² cho Bà Lê Thị L và Bà Phạm Thị D. Năm 1991 tôi có chuyển nhượng một phần đất diện tích 01(một) sào cho Bà Phạm Thị K, diện tích đo đạc thực sự của 3 (ba) phần đất trên là 334m²”*.

[3.1.4] Như vậy, phần đất có diện tích đất 334m² mà bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/AS ngày 19/7/2007 có nguồn gốc của ông C, bà Ch nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị D và bà Lê Thị L năm 1990 (phần diện tích 200m²) và nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị K năm 1991 (diện tích đo đạc thực tế 134m²).

[3.1.5] Sau khi nhận chuyển nhượng, năm 1992, ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị Ch xây dựng nhà ở trên đất và sử dụng ổn định, không có ai tranh chấp khiếu nại.

[3.1.6] Năm 2007, ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị Ch thực hiện thủ tục kê khai xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Ch thì có đầy đủ các thành phần hồ sơ.

[3.1.7] Như vậy, việc UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/AS ngày 19/7/2007 cấp cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C có diện tích 334m² thuộc thửa đất số 557 tờ bản đồ C2 tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T là đúng quy định pháp luật.

[3.2] Xét yêu cầu hủy khoản 2, Điều 1, Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T thấy rằng:

[3.2.1] Bà Nguyễn Thị U trình bày khu đất UBND huyện (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/AS ngày 19/7/2007 cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C có nguồn gốc thuộc một phần trong tổng diện tích 700m² đất của ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị S để lại không có giấy tờ. Ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị S chết không để lại di chúc và ông Lê Văn Đ đại diện quản lý, sử dụng. Năm 1979, ông Lê Văn Đ chết, những người con còn lại của ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị S tự phân chia mỗi người sử dụng 62m² đất, diện tích đất còn lại sử dụng làm thổ mộ. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị U không cung cấp được giấy tờ, tài liệu chứng cứ chứng minh về nguồn gốc cũng như quá trình phân chia tài sản và quản lý sử dụng. Hiện nay, cả 05 người con của ông Lê Văn C đã chết.

[3.2.2] Tại Biên bản xác minh ngày 08/5/2007 (bút lục 131), bà Nguyễn Thị U trình bày: *“...Việc bà Phạm Thị Ch xin cấp quyền sử dụng đất thì gia đình tôi không có khiếu nại hoặc tranh chấp vì đã đo đạc cắt phần đất thổ mộ không cấp quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị Ch”*. Đồng thời, tại Biên bản này, bà Lê Thị T có xác nhận: *“Vào năm 1988, tôi có phân chia ba phần đất cho bà Lê Thị L, bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị K là đúng”*.

[3.2.3] Tại Biên bản làm việc ngày 05/3/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã A và ông Nguyễn Minh H trình bày: Các thành phần hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/AS ngày 19/7/2007 cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C được xác minh và lập tại xã A là hoàn toàn trung thực, đúng quy định.

[3.2.4] Ngày 20/5/2020, Chủ tịch UBND thành phố T tiến hành tổ chức đối thoại với bà Nguyễn Thị U. Tại buổi đối thoại, bà Nguyễn Thị U không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khiếu nại.

[3.2.5] Do đó, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020, trong đó tại khoản 2, Điều 1 quyết định bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị U là có căn cứ.

[3.3] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B thấy rằng:

[3.3.1] Bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C sử dụng đất và cất nhà ở ổn định trên đất từ năm 1992 đến nay không có ai tranh chấp, khiếu nại. Hiện trạng trên đất có nhà ở của bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C diện tích 146,8m² và cây lâu năm. Đến năm 2019, bà Nguyễn Thị U khiếu nại việc UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/AS ngày 19/7/2007 cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C.

[3.3.2] Ngày 25/12/2020, lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành tổ chức đối thoại với bà Nguyễn Thị U. Tại buổi đối thoại, bà Nguyễn Thị U không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị U. Do đó, yêu cầu khiếu nại của bà Nguyễn Thị U là không có cơ sở.

[3.3.3] Đồng thời, tại Quyết định số 3815/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thị xã T và Quyết định số 5119/QĐ-UBND ngày 19/6/2012 của UBND thị xã T về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã A giai đoạn năm 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 thì thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00566/AS ngày 19/7/2007 cho bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn Văn C được quy hoạch là đất ở. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 03/02/2021, bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị U là đúng quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị U xuất trình biên bản hòa giải tranh chấp ranh đất (mương thoát nước) ngày 19/7/2007 giữa ông Thái Văn Ph với bà Lê Thị L (bản photo, không có công chứng, chứng thực) đề cho rằng bà Lê Thị L không biết chữ, chỉ đánh dấu thập, chữ viết Lê Thị L không phải do bà Lê Thị L viết mà do ông Nguyễn Minh H tự viết. Các tài liệu còn lại cũng là bản pho to. Căn cứ Điều 82 Luật Tố tụng hành chính về xác định chứng cứ thì tài liệu mà người khởi kiện nộp tại phiên tòa không được xem là chứng cứ. Hơn nữa, nội dung biên bản cũng không liên quan đến khiếu nại và khiếu kiện của bà Nguyễn Thị U. Chữ viết phía dưới dấu lặn tay, đánh dấu thập

do người khác viết không ảnh hưởng đến nội dung xác nhận trong biên bản. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, đánh giá tài liệu mà người khởi kiện giao nộp tại phiên tòa.

[5] Từ những nhận định trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U.

[6] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Người khởi kiện phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 30, 32, khoản 2 Điều 79, 116, 134, khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 168, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 và Điều 195 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U đối với các yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00566/AS đối với khu đất có diện tích 334m² thuộc thửa đất 557 tờ bản đồ C2 tọa lạc ấp A, xã A do UBND huyện (nay là thành phố) T cấp cho bà Phạm Thị Ch, ông Nguyễn Văn C ngày 19/7/2007;

- Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị U (lần đầu);

- Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị U khiếu nại Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T (lần hai).

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0044947 ngày 16/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự 07;
- VKSND tỉnh Bình Dương 01;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Bình Dương 01;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP 03.

Nguyễn Minh Tấn